

Bản án số: 112/2025/HN-ST

Ngày: 31 - 12 - 2025.

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Trần Lệ N**

2/ Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 1 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, **giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân H, sinh ngày 01/01/1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp N A, đặc khu H, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 01/01/1973 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 55/5/7A đường G, phường G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2025; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Xuân H trình bày: Ông H và bà N tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 14/01/2003. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống ở xã Hòn Sơn, huyện Kiên Hải,

tỉnh Kiên Giang đến năm 2011 thì vợ chồng về sống ở thành phố Rạch Giá. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian sau từ năm 2015 thì bà N bỏ nhà đi ra ngoài sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Chủ yếu là về mặt kinh tế trong gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không được, từ đó hạnh phúc vợ chồng ngày càng không còn. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà N không thể tiếp tục sống chung mục đích hôn nhân không đạt nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Đặng Xuân H xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 04/02/2005 và Đặng Thị Trâm A, sinh ngày 15/12/2007 hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ông H xác định tự thỏa thuận, nhưng tại phiên toà: Ông Đặng Xuân H xác định không có, lý do là ông không phân biệt được có tự thỏa thuận và không có tài sản nên mới làm đơn để tài sản tự thỏa thuận.

Tại phiên toà hôm nay, ông Đặng Xuân H xác định tài sản không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đặng Xuân H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 18/12/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:**

Về hôn nhân: Bà N trình bày đúng với lời trình bày của ông Đặng Xuân H và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về con chung: Bà N xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 04/02/2005 và Đặng Thị Trâm A, sinh ngày 15/12/2007 hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đặng Xuân H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà N là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn "; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N có văn bản ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân H và có đơn xin xét xử vắng mặt

theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt bà N.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 14/01/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bị đơn bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng ông H và bà N không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, ông H xác định sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Chủ yếu là về mặt kinh tế trong gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không được, từ đó hạnh phúc vợ chồng ngày càng không còn. Trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng ông H và bà N không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, bà N cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông H. Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, ông H và bà N thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N.

[5] Về quan hệ con chung: Ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N đều xác định vợ chồng chung sống 02 người con chung tên Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 04/02/2005 và Đặng Thị Trâm A, sinh ngày 15/12/2007 hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên ông H và bà N mỗi người chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Ông H tự nguyện nộp thay cho bà N toàn bộ số tiền án phí. Ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số 0008325 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên được khấu trừ. Hoàn trả cho ông H số tiền 150.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) còn thừa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N.

2. Về con chung: Ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N xác định vợ chồng chung sống 02 người con chung tên Đặng Nguyễn Duy K, sinh ngày 04/02/2005 và Đặng Thị Trâm A, sinh ngày 15/12/2007 hiện nay các con đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Xuân H và bà Nguyễn Thị Ngọc N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên ông H và bà N mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Ông H tự nguyện nộp thay cho bà N toàn bộ số tiền án phí. Ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số 0008325 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên được khấu trừ. Hoàn trả cho ông H số tiền 150.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) còn thừa.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Xuân H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bà N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận :**

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 1-An Giang
- THA DS tỉnh An Giang

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng
kết hôn UBND phường Vĩnh Lạc –KG.
(nay là phường Rạch Giá – An Giang);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Thùy Linh